

Phẩm 5: ĐÀM LUẬN CÁC PHÁP

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đại sĩ hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Duy-ma-cật ấy tuy là Ưu-bà-tắc nhưng thâm nhập pháp yếu, đức hạnh thuần khiết, tài hùng biện vững vàng, trí tuệ không thể so lường, biết hết mọi pháp thức của tất cả Bồ-tát, vào hết mọi kho tàng của Phật, chế ngự các loại ma, dùng đức để chiến thắng chúng, chỉ hành theo trí tuệ phương tiện, đều đạt hoàn hảo. Tuy nhiên, con xin nương tựa nơi Phật, muốn đến đó để mở bày, hóa độ cho mười phương.

Ngay khi ấy, các vị Bồ-tát, các đại đệ tử của Phật, Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương... đều nghĩ: “Nay hai vị Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi và Duy-ma-cật đàm luận với nhau thì chắc chắn nói về Đại thừa.” Tức thì tám ngàn Bồ-tát, năm trăm Thanh văn, năm trăm ngàn hàng trời, người cùng muốn đi nghe.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi với sự thắp tùng của các Bồ-tát, các vị đại đệ tử, trời, người và quyến thuộc, cùng đi vào thành lớn Duy-da-ly.

Trưởng giả Duy-ma-cật nghĩ: “Nay Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi cùng đại chúng đến đây, ta sẽ làm cho phòng này trống không và hợp các tòa ngổi lại làm thành một tòa, rồi lấy cố bệnh mà nằm.”

Đại sĩ Văn-thù vào nhà Trưởng giả Duy-ma-cật, thấy nhà trống không, chỉ độc một cái giường nằm. Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Phiền cho Bồ-tát quá! Xưa kia nếu không từng quen biết thì bây giờ đâu có đến thăm nhau.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thế nào cư sĩ? Bệnh cư sĩ có chịu nổi không? Có bớt không, hay là tăng? Đức Thế Tôn ân cần hỏi thăm nhiều lắm, rằng: “Cư sĩ đứng ngổi có được nhẹ nhàng, tới lui có được vững vàng tự tại không? Bệnh cư sĩ do đâu mà có? Đã bao lâu rồi? Và khi nào thì hết?”

Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Bệnh này phát sinh đã lâu rồi. Từ si có ái nên bệnh của tôi phát sinh. Vì tất cả chúng sinh bệnh nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sinh không bệnh, thì bệnh tôi cũng hết. Vì sao? Bồ-tát muốn xây dựng chúng sinh nên vào sinh tử, đó là bệnh. Làm cho tất cả chúng sinh hết bệnh thì Bồ-tát không còn bệnh nữa. Ví như vị trưởng giả chỉ có đứa con một mắc bệnh. Đứa con bệnh thì cha mẹ bệnh theo. Đứa con lành thì cha mẹ cũng lành. Bồ-tát cũng vậy, thương tất cả chúng sinh như con nên chúng sinh bệnh thì Bồ-tát bệnh, chúng sinh lành thì Bồ-tát lành.

Lại nói: “Bệnh Bồ-tát do đâu mà có?”, thì thưa Đại sĩ, bệnh Bồ-tát là do đại Bi mà có.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Tại sao nhà cửa trống không, không có cả người hầu?

Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Quốc độ của chư Phật cùng với nhà này đều trống không như hư không.

Hỏi:

–Sao gọi là không?

Đáp:

–Vì không mà không.

Hỏi:

–Đã không, vì sao là không?

Đáp:

–Không, vì không phân biệt là không.

Hỏi:

–Không do ai làm?

Đáp:

–Không là do phân biệt, mà phân biệt cũng là không.

Hỏi:

–Không, nên tìm ở đâu?

Đáp:

–Không, nên tìm ở sáu mươi hai thứ kiến chấp.

Hỏi:

–Sáu mươi hai thứ kiến chấp nên tìm ở đâu?

Đáp:

–Nên tìm ở trong sự giải thoát của Như Lai.

Hỏi:

–Sự giải thoát của Như Lai nên tìm ở đâu?

Đáp:

–Nên tìm trong tâm hành của chúng sinh.

Thưa Nhân giả! Bồ-tát hỏi tôi sao không có người hầu, thì thưa Bồ-tát, tất cả quân ma đều là người hầu của tôi. Vì những ai lưu chuyển cũng là người hầu của tôi. Vì sao? Vì việc làm của ma là thọ nhận sinh tử. Sinh tử tức là người hầu của Bồ-tát. Người lưu chuyển nhận lấy các thứ kiến chấp, mà Bồ-tát thì không dao động vì kiến chấp.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Bệnh của cư sĩ là loại bệnh gì?

Đáp:

–Thưa Bồ-tát! Bệnh của tôi không hiện rõ nên không thể thấy.

Hỏi:

–Bệnh ấy thuộc về thân hay thuộc về tâm?

Đáp:

–Bệnh tôi thuộc về thân vì thân là đại địa, thuộc về tâm vì tâm là pháp huyễn.

Hỏi:

–Trong bốn đại chủng: địa, thủy, hỏa, phong, thì bệnh của trưởng giả thuộc đại chủng nào?

Đáp:

–Đại chủng ấy là tập khí của tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Bồ-tát nên quán các tâm bệnh của chúng sinh như thế nào? Lại nữa, dùng sự tu tập gì đối với Bồ-tát có bệnh?

Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Đối với thân vô thường đừng cho là Niết-bàn, đối với thân khổ sở thường biểu lộ sự không đam mê, không cho Niết-bàn là an ổn để thích thú nơi Niết-bàn, hiện thân vô

ngã mà giáo hóa, hướng dẫn chúng sinh. Thân trống vắng đừng cho là vắng lặng hoàn toàn vì sẽ hiện bày việc làm trước đây. Thường thương bệnh người khác mà không kể bệnh của mình. Do biết kiếp quá khứ mà hướng dẫn, tạo lợi ích cho người và vật không mê lầm. Nhớ nghĩ việc thiện để tu hành, sống đời trong sạch nhưng không cầu mong, thường siêng năng làm bậc y vương để chữa trị mọi bệnh cho chúng sinh. Đó là Bồ-tát hay an ủi người bệnh.

Bồ-tát Văn-thù lại hỏi:

–Thế nào gọi là Bồ-tát có bệnh mà tâm không rối loạn?

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Bồ-tát có bệnh thì biết bệnh này trước khi sinh ra là trụ ở chỗ đục. Bệnh này sinh ra là từ tư tưởng không thành thật, ở trong các phiền não.

Lại hỏi:

–Bệnh tự thân nó đối với các pháp không thể thủ đắc. Vì sao? Vì bệnh chỉ nương vào bốn đại chủng. Lại các đại chủng này hoàn toàn không có chủ thể, thì cái để nương vào đó cũng không có ngã. Bệnh ấy là chuyên chấp nơi vô ngã, chuyên chấp cả hai đều không. Biết được gốc bệnh rồi thì nên siêng năng, không còn ý tưởng ngã, nhân. Nếu khởi pháp tướng thì thân này là do các pháp hợp lại mà thành ra. Vậy pháp sinh thì sinh, pháp diệt thì diệt, pháp chuyển thì chuyển, không nhớ nghĩ đến nhau, không biết nhau. Vì khi sinh không nói ta sinh, khi diệt không nói ta diệt. Bồ-tát biết tướng về pháp, nuôi dưỡng ý tưởng đó mà không trụ. Nếu dùng ý tưởng về pháp để thọ báo là trở ngại lớn. Đã lia bệnh rồi thì ngã không còn là ngã nữa.

–Trừ bệnh bằng cách nào?

–Nghĩa là đoạn trừ ngã, ngã sở.

–Thế nào là đoạn trừ ngã, ngã sở?

–Nghĩa là tự mình không tham dục.

–Sao gọi là tự mình không tham dục?

–Nghĩa là bên trong không khởi nghiệp.

–Sao gọi là bên trong không khởi nghiệp?

–Nghĩa là phải thể hiện bình đẳng, bất động, không thể động.

–Thế nào là bình đẳng?

–Nghĩa là ngã bình đẳng, Niết-bàn cũng bình đẳng. Vì sao? Vì ngã với Niết-bàn cả hai đều là không.

–Sao gọi là không?

–Gọi là không, vì cả hai đều như vậy. Thành tựu đạo Thánh là đều từ nơi bình đẳng. Bệnh cũng như vậy, không khác.

–Tại sao gọi là sự thọ nhận cũng không?

–Nghĩa là đã hiểu rõ do không biết các tướng là bất tận, ở nơi tướng để thủ chứng Niết-bàn. Như vậy, cả hai cái đều là các tướng, làm tăng trưởng các đường ác, phải nên gần gũi tất cả chúng sinh, hưng khởi tâm đại Bi mình vì mọi chúng sinh, tự tạo pháp lĩnh thức và quán xét: Chỉ trừ khử bệnh chứ không trừ khử pháp, cũng không trừ khử gốc bệnh đã sinh. Biết cội gốc của bệnh mà thuyết pháp.

–Gốc bệnh là gì?

–Nghĩa là ban đầu chưa sáng tỏ. Chưa sáng tỏ tức là gốc của bệnh.

–Sao gọi là chưa sáng tỏ?

–Là ở nơi ba cõi mà không sáng tỏ.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Làm sao để biết cái không sáng tỏ ấy?

–Nghĩa là đình chỉ tâm. Đình chỉ tâm là do không thủ đắc chứ không phải là do không sáng tỏ.

–Vì sao không thủ đắc?

–Vì không thủ đắc nơi hai kiến, nghĩa là thấy trong, thấy ngoài, toàn bộ là không thể thủ đắc.

Thưa Đại sĩ Văn-thù! Như thế gọi là Bồ-tát có bệnh mà tâm không loạn động. Tuy có già, bệnh, chết, Bồ-tát biết rõ về chúng. Nếu không được như vậy thì chỗ tu trì của Bồ-tát không có lợi ích gì cả. Ví như thắng kẻ thù mới có thể gọi là dũng mãnh, nhưng đoạn tuyệt tất cả khổ, già, bệnh, chết mới gọi là Bồ-tát. Bồ-tát nếu có bệnh thì nên xét như vậy. Như bệnh của tôi cũng không thật không có, cũng vậy. Bệnh của chúng sinh cũng không thật, không có, cũng thế. Khi quán xét như thế thì không còn rơi vào vọng kiến. Để hưng khởi tâm đại Bi, Bồ-tát chắc chắn phải đoạn trừ phiền não. Để hợp với đạo ý thì thực hiện đại Bi đó. Vì sao? Vì Bồ-tát rơi vào vọng kiến thì Bồ-tát nhờ đại Bi đó mà thoát khỏi, không rơi vào vọng kiến. Bồ-tát đại Bi không kể sự sinh ra, vì Bồ-tát sinh ra vì sự giải thoát, giải thoát sự đọa lạc, giải thoát sự sinh ra, giải thoát sự thọ thân, luôn luôn vì người khác mà nói về Phật, thuyết giảng pháp. Đó là lời thề nguyện.

Như Phật đã dạy: Bồ-tát tự mình an thân mà không cởi mở sự trói buộc cho chúng sinh thì không phải là nơi chốn để tự an thân. Bồ-tát cởi mở mọi trói buộc cho chúng sinh, đó là việc nên làm, vì thế nói Bồ-tát đã được giải thoát rồi thì việc làm của Bồ-tát không còn bị trói buộc.

–Trói buộc là gì? Cởi mở là gì?

–Bồ-tát thiên định là trói buộc nơi ngã, là lấy đạo để trói buộc ngã. Trói buộc là Bồ-tát dùng phương tiện sinh trong năm đường để giải thoát sự thọ sinh cho chúng sinh. Bồ-tát không có phương tiện mà dựa vào trí là trói buộc. Hành phương tiện mà dựa vào trí là cởi mở, có trí tuệ không dựa vào phương tiện là trói buộc, có trí mà dựa vào phương tiện là cởi mở.

–Thế nào gọi là không phương tiện, dựa vào trí là trói buộc?

–Đó là dựa vào pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện mà thọ sinh, không làm trang nghiêm tướng và cõi Phật để giáo hóa mọi người. Đó là không có phương tiện mà dựa vào trí là trói buộc.

–Thế nào là hành phương tiện mà dựa vào trí là cởi mở?

–Đó là làm trang nghiêm tướng và cõi Phật để hóa độ mọi người, nhưng hiểu rõ về các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện mà thọ sinh. Đó là hành phương tiện, dựa vào trí là cởi mở.

–Thế nào là có trí, không dựa vào phương tiện là trói buộc?

–Đó là dựa vào sự hiểu biết, hành khổ hạnh, mong thọ báo, tu tập tất cả gốc phước thiện. Đó là có trí, không dựa vào phương tiện là ràng buộc.

–Thế nào là có trí, dựa vào phương tiện là cởi mở?

–Đó là đoạn trừ các kiến chấp, thực hành khổ hạnh không mong cầu thọ báo, trồng cội gốc phước đức để phân bố đạo này cho tất cả. Đó là có trí, dựa vào phương tiện là cởi mở.

Thưa Đại sĩ Văn-thù! Bồ-tát có bệnh nên xét các pháp như vậy. Giả sử thân có bệnh thì quán thân là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, đó là tuệ giác. Lại thọ thân này, không dùng nó để đoạn sinh tử ác, mà để làm lợi ích tốt đẹp cho mọi người, tâm

hợp với đạo, đó gọi là phương tiện. Lại, nếu thân có bệnh mà biết ý dị đồng, lỗi đó chẳng phải mới thì quán xét nó vốn có, đó là trí tuệ. Giả sử thân có bệnh nhưng không vì thế khởi ý Niết-bàn, đó là phương tiện.

Như vậy, thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát có bệnh nhưng ý không loạn động, cũng không trụ nơi cao. Vì sao? Vì nếu trụ cao là pháp của người ngu, còn trụ thấp là pháp của Thanh văn, cho nên Bồ-tát trụ không cao, không thấp, ở khoảng giữa, là vô sở xứ. Đó là hạnh của Bồ-tát, không phải hạnh của phàm phu, không phải hạnh của bậc Hiền. Đó là hạnh Bồ-tát ở nơi nẻo sinh tử mà không làm hạnh như bản, đó là hạnh Bồ-tát.

Quán sát hạnh Niết-bàn mà không nương tựa Niết-bàn, ấy là hạnh Bồ-tát. Làm việc của bốn ma mà vượt qua hạnh của ma, ấy là hạnh Bồ-tát. Hành trí tuệ học rộng hạnh biết thời, ấy là hạnh Bồ-tát. Đối với hạnh bốn chân đế, không dùng hạnh biết rõ về đế, ấy là hạnh Bồ-tát. Quán sát hạnh vô sinh, không cho là khó đến, ấy là hạnh Bồ-tát. Ở trong hạnh duyên khởi, đối với các kiến chấp không ham muốn, ấy là hạnh Bồ-tát. Ở trong đại chúng, không có hạnh mong cầu, ấy là hạnh Bồ-tát. Ở trong hạnh nhân cư, không diệt tận thân tâm, ấy là hạnh Bồ-tát. Ở trong hạnh ba cõi, không làm hồng pháp tánh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tâm rộng lặng, không làm gì mà làm tất cả mọi việc, lấy đức trong sáng làm hạnh, ấy là hạnh Bồ-tát. Hành sáu Ba-la-mật là vì mọi người nên hành Ba-la-mật, ấy là hạnh Bồ-tát. Lãnh thọ đạo pháp, không dấy khởi đạo nhỏ, ấy là hạnh Bồ-tát. Dùng hạnh Chỉ và Quán, biết việc làm của ma, không diệt dấu vết, ấy là hạnh Bồ-tát. Không ứng, không hiện hạnh của Thanh văn, Duyên giác, không hủy bỏ pháp hạnh của Phật, ấy là hạnh Bồ-tát.

Khi Trưởng giả Duy-ma-cật giảng nói như vậy, thì có tám ngàn người, trời cùng phát tâm Chánh giác Vô thượng. Đồng tử Văn-thù-sư-lợi rất hoan hỷ.

Hiền giả Xá-lợi-phất nghĩ: “Không có giường ghế thì các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử của Phật sẽ ngồi ở đâu?”

Trưởng giả Duy-ma-cật biết ý nghĩ ấy nên nói:

–Thế nào, thưa Hiền giả! Hiền giả đến đây là vì chánh pháp hay là vì chỗ ngồi?

Hiền giả Xá-lợi-phất nói:

–Cư sĩ! Tôi đến đây là vì chánh pháp, không phải vì chỗ ngồi.

Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Dạ, kính bạch Hiền giả! Điều lợi cho chánh pháp thì thân mạng cũng không tiếc, huống chi là chỗ ngồi.

Kính bạch Hiền giả Xá-lợi-phất! Điều lợi cho chánh pháp thì không cầu sắc, thống (thọ) tướng, hành, thức, không phải cầu các ấm, các nhập, không phải cầu nơi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Kính bạch Hiền giả Xá-lợi-phất! Cầu chánh pháp thì không cầu theo sự chấp nơi Phật, không cầu theo sự chấp nơi Pháp, không cầu theo sự chấp nơi Tăng. Kính bạch Hiền giả Xá-lợi-phất! Cầu chánh pháp thì không cầu biết Khổ, không cầu đoạn Tập, không cầu chứng Diệt, tu Đạo. Vì sao? Vì có pháp không phóng dật nhưng có pháp phóng dật. Nên biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo, thì người cầu pháp như thế là cầu pháp không phóng dật.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Không có trần cảnh lìa nhiễm trần cảnh. Pháp nhiễm ô đó tức là ở một bên. Người cầu pháp này là cầu pháp không tham dâm.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Pháp không có biên giới, phạm vi. Hễ có biên giới, phạm vi thì có phân chia. Người cầu pháp này là cầu không có biên vực. Pháp không bất

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tịnh, người bất tịnh thì đối với pháp có thủ, có xả. Người cầu pháp là cầu chỗ không lấy, không bỏ. Pháp không phải là nơi ẩn nấp, nhưng có pháp thì có chỗ ẩn nấp. Người cầu pháp là cầu chỗ không ẩn nấp. Pháp không có tướng, ở trong chỗ suy tưởng chấp chặt sự hiểu biết. Người cầu pháp là cầu chỗ không suy tưởng. Pháp không có phiền não, ở trong dòng chảy nơi pháp là gần gũi tất cả. Người cầu pháp thì không cầu cái tất cả. Pháp thì không thấy, nghe, nghĩ, biết, nhưng đối pháp có thấy, nghe, nghĩ, biết, thì đã sai khác. Người cầu pháp là cầu cái không thấy, nghe, nghĩ, biết. Do vậy, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Cầu pháp là đối với tất cả pháp không cầu gì cả.

Khi Trưởng giả Duy-ma-cật giảng nói như trên thì có năm trăm hàng trời, người đối với các pháp sinh khởi Pháp nhãn.

M